

**TẬP ĐOÀN MAI LINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2012 ĐẾN 30/06/2012**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>2 – 6</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.	12 – 45

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') đệ trình Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là 'Tập đoàn') cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tên giao dịch quốc tế Mai Linh Group Corporation, viết tắt là Mai Linh Group Corp (MLG), tiền thân của Công ty là Công ty TNHH Du lịch – Thương mại – Vận tải hành khách Mai Linh được thành lập từ năm 1993 và chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần từ ngày 1/7/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001038 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau đó và lần thay đổi gần nhất.

Theo Giấy chứng nhận thay đổi số 0300938037 đăng ký thay đổi lần thứ 23 vào ngày 14 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 của Công ty là 980.000.000.000 đồng được chia thành 98.000.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

<b>TT</b>	<b>Cổ đông</b>	<b>Số vốn góp</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ/ vốn góp</b>
1	Hồ Huy	499.800.000.000	49.980.000	51 %
2	Trần Thị Hồng Hạnh	53.900.000.000	5.390.000	5,5 %
3	Hồ Hữu Lân	4.900.000.000	490.000	0,5 %
4	Hồ Thu Hương	4.900.000.000	490.000	0,5 %
5	Hồ Thị Giới	4.900.000.000	490.000	0,5 %
6	Hồ Thị Giang	4.900.000.000	490.000	0,5 %
7	Hồ Thị Phượng	4.900.000.000	490.000	0,5 %
8	Mai Hà Thanh Hùng	4.900.000.000	490.000	0,5 %
9	Trần Thị Hồng Hoa	4.900.000.000	490.000	0,5 %
10	Các Cổ đông khác	392.000.000.000	39.200.000	40 %
	<b>Cộng</b>	<b>980.000.000.000</b>	<b>980.000.000</b>	<b>100 %</b>

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 64 – 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn là:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau: Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải bằng xe buýt; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chi tiết: kinh doanh vận tải hàng); Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (chi tiết: kinh doanh vận tải khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định và không theo tuyến cố định; vận tải hành khách đường thủy nội địa ngang sông, qua biên giới Việt Nam); Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: kinh doanh xếp dỡ hàng hóa tại cảng, bến thủy nội địa. Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt); Hoạt động thiết kế chuyên dụng (chi tiết: thiết kế phương tiện thủy nội địa); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chi tiết: bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa máy kéo, phương tiện xây dựng, phương tiện vận tải);

Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (chi tiết: sửa chữa đóng mới trang thiết bị, phương tiện vận tải thủy bộ); Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (chi tiết: Mua bán xe có động cơ, phương tiện vận tải, phụ tùng và bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, nhớt, xăng, dầu, gas); Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ vé máy bay, tàu thủy, tàu lửa. Đại lý vận tải); Sản xuất vali, túi xách, yên đệm xe. May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (chi tiết: sản xuất quần áo may sẵn, quần áo bảo hộ lao động, caravat, mũ, các đồ phụ trợ quần áo); Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (chi tiết: chế tác, gia công đá quý, vàng, bạc, đồ trang sức); Buôn bán kim loại và quặng kim loại (chi tiết: mua bán đá quý, vàng, bạc, đồ trang sức); Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (chi tiết: Dịch vụ cho thuê kiểu dáng công nghiệp, nhiên liệu); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ); Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (chi tiết: Mua bán thiết bị y tế, điện, điện tử, viễn thông, điện thoại cố định, di động, bộ đàm); sửa chữa thiết bị liên lạc (chi tiết: bảo trì, lắp đặt, sửa chữa điện thoại); Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Bán sim, thẻ cào điện thoại di động); Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (chi tiết: dịch vụ giới thiệu việc làm); Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: mua bán mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế); Cắt tóc, làm đầu, gội đầu (chi tiết: dịch vụ sản sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động dịch vụ gây cháy máu); Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ tranh, ảnh (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động (chi tiết: Nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (chi tiết: khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chi tiết: lai dắt, cứu hộ đường bộ. Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ: hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: bán đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh); Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả gia trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: bán buôn hóa chất, mực in, keo); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết: bán buôn văn phòng phẩm. Mua bán đồ điện gia dụng, hàng gia dụng, hàng trang trí nội thất, vật liệu trải sàn, rèm, màn treo, giường, tủ, bàn, ghế); Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). Mua bán máy đếm cây số và phụ kiện); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng); Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Trồng rừng; Xây dựng công trình công ích (chi tiết: đầu tư xây dựng thủy điện); Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (chi tiết: tư vấn du học); Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng; Đào tạo ngoại ngữ); Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (chi tiết: Đại lý bảo hiểm); Hoạt động bảo tồn, bảo tàng (chi tiết: hoạt động nhà bảo tàng (không kinh doanh các hiện vật thuộc di tích lịch sử, văn hóa, bảo tàng); Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết: đào tạo dạy nghề, đào tạo lái xe cơ giới đường bộ); Cho thuê xe ô tô; Đại lý, môi giới, đấu giá (chi tiết: Dịch vụ bán đấu giá tài sản. Đại lý dịch vụ viễn thông. Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa. Dịch vụ thu hộ các chi phí tiêu dùng: điện thoại. Đại lý ký gởi hàng hóa); Sản xuất xe có động cơ, thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc (không sản xuất tại trụ sở);

## TẬP ĐOÀN MAI LINH

Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ xe có động cơ (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ, điện tại trụ sở); Kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng đường sắt; Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng. Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh: kiốt, trung tâm thương mại. Dịch vụ cho văn phòng); Kinh doanh dịch vụ bất động sản: dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ đầu giá bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất; Lắp trình máy vi tính; Quảng cáo thương mại; Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (chi tiết: xây dựng và kinh doanh dịch vụ bãi đỗ xe); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt máy móc thiết bị và công nghiệp. Chuyển phát; Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, quốc tế. Đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy, nội địa. Khai thác khoáng sản (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ nhận, chi trả ngoại tệ. Đại lý đối ngoại tệ. Dịch vụ Logistic.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh có chi nhánh trực thuộc sau:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Bắc Bộ	Số 115 Phó Phú Doãn, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
2	Chi nhánh Du lịch lữ hành Quốc tế Mai Linh Huế	Số 12 Hùng Vương, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
3	Chi nhánh Mộc Bài – Công ty Cổ phần Mai Linh	Kiốt số 7, đường Xuyên Á, ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Cà Mau	Số 11/51 Lý Thường Kiệt, phường 4, Thành phố Cà Mau
5	Chi nhánh Tiền Giang – Công ty Cổ phần Mai Linh	360 ấp Hòa Phú, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
6	Chi nhánh Tây Ninh – Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	QL 22, ấp Suối Sâu, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
7	Chi nhánh Tây Nguyên – Công ty Cổ phần Mai Linh	Số 188 Nguyễn Tất Thành, phường Tân Lập, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
8	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh – Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	Số 15 Đào Duy Anh, Phường 09, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
9	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh – Trung Tâm dịch vụ Viễn Thông Mai Linh	Số 64-68, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm 30/06/2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

## TẬP ĐOÀN MAI LINH

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Không có phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Tập đoàn.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:

Ông :	Hồ Huy	Chủ tịch	(Bổ nhiệm lại ngày 19/5/2011)
Ông :	Mai Hà Thanh Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm lại ngày 19/5/2011)
Ông :	Trương Quang Mẫn	Thành viên	(Bổ nhiệm lại ngày 19/5/2011)
Ông :	Hồ Hữu Lâm	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 25/04/2012)
Ông :	Hồ Quốc Phi	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 01/01/2011)
Ông :	Cao Xuân Trường	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25/04/2012)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông :	Hồ Huy	Tổng Giám đốc	
Ông :	Trương Quang Mẫn	Phó Tổng Giám đốc vận tải	(Thôi giữ chức ngày 04/05/2012)
Ông :	Mai Hà Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc tài chính	
Ông :	Hồ Quốc Phi	Phó Tổng Giám đốc thương mại – du lịch	(Thôi giữ chức ngày 15/05/2012)
Bà :	Trần Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc đối ngoại và đào tạo	
Bà :	Hồ Thị Giang	Phó Tổng Giám đốc thường trực	(Bổ nhiệm ngày 26/12/2011)
Ông :	Lê Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc phụ trách nội vụ	(Bổ nhiệm ngày 26/12/2011)

Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm:

Ông :	Võ Đăng Cảnh	Trưởng ban	(Từ nhiệm ngày 26/12/2011)
Bà :	Vũ Hương Giang	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2011)
Ông :	Tiêu Văn Hòa	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2011)
Ông :	Nguyễn Đỗ Phương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25/04/2012)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (A.A) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2012 của Tập đoàn.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

## TẬP ĐOÀN MAI LINH

---



- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc 30/06/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 15 tháng 08 năm 2012

Tổng Giám đốc



HỒ HUY

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
100	<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>		<b>1,445,165,413,535</b>	<b>1,350,366,549,067</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	VI.1	<b>39,744,896,387</b>	<b>43,616,112,938</b>
111	1. Tiền		39,744,896,387	43,616,112,938
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	VI.2	<b>11,013,205,308</b>	<b>8,377,850,000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		11,323,205,308	8,687,850,000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(310,000,000)	(310,000,000)
130	<b>III. Các khoản phải thu</b>	VI.3	<b>1,180,099,237,057</b>	<b>1,148,449,067,206</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		465,194,943,410	398,956,980,610
132	2. Trả trước cho người bán		54,148,436,763	56,780,510,770
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác		673,366,799,249	704,470,264,338
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(12,610,942,365)	(11,758,688,512)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	VI.4	<b>54,567,528,186</b>	<b>55,200,009,686</b>
141	1. Hàng tồn kho		56,518,023,873	55,589,986,491
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1,950,495,687)	(389,976,805)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>159,740,546,597</b>	<b>94,723,509,237</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	VI.5	112,406,880,452	44,854,231,567
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7,562,543,539	14,110,211,752
154	3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	VI.6	2,457,843,475	1,857,628,317
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	VI.7	37,313,279,131	33,901,437,601
200	<b>B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260+269)</b>		<b>4,132,976,384,693</b>	<b>4,291,525,982,123</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3,277,363,872</b>	<b>3,109,951,746</b>
218	4. Phải thu dài hạn khác		10,533,917,948	10,366,505,821
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		(7,256,554,076)	(7,256,554,075)
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3,051,034,743,762</b>	<b>3,305,556,957,429</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	VI.8	2,515,968,729,584	2,654,506,604,870
222	- Nguyên giá		3,543,047,275,836	3,617,770,972,138
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1,027,078,546,252)	(963,264,367,268)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	VI.9	73,484,648,318	115,566,699,296
225	- Nguyên giá		123,544,258,085	179,296,068,646
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(50,059,609,767)	(63,729,369,350)
227	3. Tài sản cố định vô hình	VI.10	299,843,330,326	307,437,547,255
228	- Nguyên giá		302,951,543,618	310,385,796,725
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3,108,213,292)	(2,948,249,470)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	VI.11	161,738,035,534	228,046,106,008
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	VI.12	<b>192,363,628,617</b>	<b>194,346,758,811</b>
241	- Nguyên giá		198,313,019,200	198,313,019,200
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5,949,390,583)	(3,966,260,389)
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	VI.13	<b>226,109,515,819</b>	<b>201,419,426,319</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		14,137,224,867	7,631,964,867
258	3. Đầu tư dài hạn khác		211,972,290,952	193,787,461,452
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>602,838,234,259</b>	<b>524,675,173,686</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	VI.14	567,746,616,258	488,666,332,176
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	VI.15	17,353,805,638	17,354,088,780
268	3. Tài sản dài hạn khác	VI.16	17,737,812,363	18,654,752,730
269	<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	VI.17	<b>57,352,898,364</b>	<b>62,417,714,132</b>
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>		<b>5,578,141,798,228</b>	<b>5,641,892,531,190</b>



Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

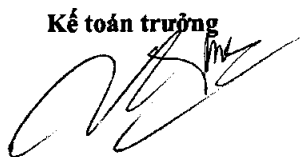
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
	<b>NGUỒN VỐN</b>			-
300	<b>A. Nợ phải trả (300=310+330)</b>		<b>4,690,812,472,065</b>	<b>4,703,095,709,296</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2,264,641,205,181</b>	<b>2,195,919,135,148</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	VI.18	1,178,679,250,381	1,246,409,283,304
312	2. Phải trả cho người bán		183,764,050,412	137,656,422,129
313	3. Người mua trả tiền trước		95,361,460,097	90,251,064,322
314	4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	VI.19	104,577,041,473	71,448,986,854
315	5. Phải trả người lao động		54,241,761,633	66,017,618,606
316	6. Chi phí phải trả	VI.20	42,792,021,770	23,355,181,947
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	VI.21	602,465,335,519	556,793,507,011
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		2,760,283,896	3,987,070,975
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2,426,171,266,884</b>	<b>2,507,176,574,148</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	VI.22	817,018,279,895	719,592,254,062
334	4. Vay và nợ dài hạn	VI.23	1,576,420,575,252	1,783,601,775,845
335	5. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả		2,607,207,265	2,607,207,265
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		112,919,158	88,003,536
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		30,012,285,314	1,287,333,440
400	<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>		<b>475,692,878,117</b>	<b>504,929,614,967</b>
410	<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	VI.24	<b>475,692,878,117</b>	<b>504,929,614,967</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		875,901,380,000	875,901,380,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		52,697,431,252	52,697,431,252
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(922,400,000)	(922,400,000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		10,426,782,556	10,595,857,469
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		6,338,029,137	6,422,566,593
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(468,748,344,828)	(439,765,220,347)
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
439	<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>		<b>411,636,448,046</b>	<b>433,867,206,927</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5,578,141,798,228</b>	<b>5,641,892,531,190</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



LÊ THANH LINH



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2012  
Tổng Giám đốc

HỒ HUY

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,491,042,805,121	1,627,510,695,401
02	2. Các khoản giảm trừ		7,637,052,960	5,988,087,615
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VII.25	1,483,405,752,161	1,621,522,607,786
11	4. Giá vốn hàng bán	VII.26	1,081,049,070,012	1,228,615,460,352
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		402,356,682,149	392,907,147,434
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VII.27	44,185,477,688	96,519,933,585
22	7. Chi phí tài chính	VII.28	274,103,444,735	247,582,884,696
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		272,332,022,283	245,435,515,419
24	8. Chi phí bán hàng	VII.29	64,977,011,585	68,393,673,611
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VII.30	136,267,932,945	141,229,950,007
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(28,806,229,429)	32,220,572,705
31	11. Thu nhập khác	VII.31	192,631,270,727	94,617,704,704
32	12. Chi phí khác	VII.32	184,415,309,408	77,381,693,866
40	13. Lợi nhuận khác		8,215,961,319	17,236,010,838
45	14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD		-	-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(20,590,268,110)	49,456,583,543
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VII.33	7,948,169,980	12,127,249,305
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VII.34	283,141	1,294,720,515
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(28,538,721,231)	36,034,613,723
61	19. Lợi ích của cổ đông thiểu số		(1,891,397,283)	18,313,898,012
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		(26,647,323,948)	17,720,715,711
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phần	VII.35	(304)	202

Kế toán trưởng



LÊ THANH LINH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2012



Tổng Giám đốc

HỒ HUY

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(20,590,268,109)	49,456,583,541
	2. Điều chỉnh các khoản		385,059,309,428	297,113,034,591
02	- Khấu hao TSCĐ		193,148,948,571	182,611,032,917
03	- Các khoản dự phòng		2,433,172,736	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(82,854,834,162)	(130,933,513,745)
06	- Chi phí lãi vay		272,332,022,283	245,435,515,419
08	3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		364,469,041,319	346,569,618,132
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(44,307,856,534)	(210,666,261,800)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1,442,048,350)	(13,860,980,930)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải			
11	trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		447,536,772,629	337,450,852,392
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(92,793,712,797)	1,998,640,575
13	- Tiền lãi vay đã trả		(313,521,819,085)	(299,674,952,286)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9,255,629,211)	(14,154,929,929)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		13,793,909,697	8,237,025,432
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10,384,701,322)	(17,851,574,418)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		354,093,956,346	138,047,437,169
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(139,013,214,733)	(288,962,548,837)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác		176,527,664,406	137,074,351,352
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(187,159,824,505)	(66,244,255,052)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		160,626,667,532	7,637,998,994
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(97,554,260,000)	(43,286,785,000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15,068,972,729	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		22,846,981,270	11,933,895,510
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(48,657,013,301)	(241,847,343,033)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

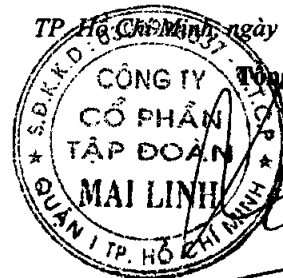
Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	673,007,980
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(2,800,000,000)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1,567,880,271,110	1,775,371,789,975
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1,848,196,445,004)	(1,673,811,390,429)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		(26,191,985,702)	(14,775,495,501)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(3,276,480,861)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(309,308,159,596)</i>	<i>84,181,431,164</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3,871,216,551)	(19,618,474,700)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		43,616,112,938	74,218,056,389
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>39,744,896,387</b>	<b>54,599,581,689</b>

Kế toán trưởng



LÊ THANH LINH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2012



Tổng Giám đốc



HỒ HUY

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tên giao dịch quốc tế Mai Linh Group, viết tắt là Mai Linh Group Corp (MLG), tiền thân của Công ty là Công ty TNHH Du lịch – Thương mại – Vận tải hành khách Mai Linh được thành lập từ năm 1993 và chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần từ ngày 1/7/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001038 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau đó.

Theo Giấy chứng nhận thay đổi số 0300938037 đăng ký thay đổi lần thứ 23 vào ngày 14 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 của Công ty là 980.000.000.000 đồng được chia thành 98.000.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

TT	Cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ/ vốn góp
1	Hồ Huy	499.800.000.000	49.980.000	51 %
2	Trần Thị Hồng Hạnh	53.900.000.000	5.390.000	5,5 %
3	Hồ Hữu Lân	4.900.000.000	490.000	0,5 %
4	Hồ Thu Hương	4.900.000.000	490.000	0,5 %
5	Hồ Thị Giới	4.900.000.000	490.000	0,5 %
6	Hồ Thị Giang	4.900.000.000	490.000	0,5 %
7	Hồ Thị Phương	4.900.000.000	490.000	0,5 %
8	Mai Hà Thanh Hùng	4.900.000.000	490.000	0,5 %
9	Trần Thị Hồng Hoa	4.900.000.000	490.000	0,5 %
10	Các Cổ đông khác	392.000.000.000	39.200.000	40 %
	<b>Cộng</b>	<b>980.000.000.000</b>	<b>980.000.000</b>	<b>100 %</b>

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 64 – 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh có chi nhánh trực thuộc sau:

Tên Chi nhánh	Ngày đăng ký kinh doanh lần đầu	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động hiện tại
1 Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mai Linh Đông Bắc Bộ	17/6/2003	Số 115 Phố Phủ Doãn, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Đang hoạt động
2 Chi nhánh Du lịch lữ hành quốc tế Mai Linh Huế	21/9/2004	Số 12 Hùng Vương, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đã ngưng hoạt động để cơ cấu tổ chức lại Công ty
3 Chi nhánh Mộc Bài – Công ty Cổ phần Mai Linh	11/11/2005	Kiốt số 7, đường Xuyên Á, ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu,	Đã ngưng hoạt động để cơ cấu tổ chức lại Công ty

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Tên Chi nhánh	Ngày đăng ký kinh doanh lần đầu	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động hiện tại
4 Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Đồng Tháp	06/1/2006	tỉnh Tây Ninh Số 31 Võ Thị Sáu, phường 2, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	ty Đã thực hiện xong thủ tục giải thể
5 Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Cà Mau	23/11/2004	Số 11/51 Lý Thường Kiệt, phường 4, Thành phố Cà Mau	Đã ngưng hoạt động và có quyết định giải thể
6 Chi nhánh Tiền Giang – Công ty Cổ phần Mai Linh	29/10/2008	360 ấp Hòa Phú, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Đang hoạt động
7 Chi nhánh Tây Ninh – Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	11/6/2008	QL 22, ấp Suối Sâu, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	Đang hoạt động
8 Chi nhánh Tây Nguyên – Công ty Cổ phần Mai Linh	17/1/2005	Số 188 Nguyễn Tất Thành, phường Tân Lập, Thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đã ngưng hoạt động để cơ cấu tổ chức lại Công ty
9 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh – Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	11/12/2010	Số 15 Đào Duy Anh, Phường 09, Quận Phú Nhuận, TP. HCM	Đang hoạt động
10 Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh – Trung Tâm dịch vụ Viễn Thông Mai Linh	23/3/2011	Số 64-68, Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	Đang hoạt động

## 2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau: Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải bằng xe buýt; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chi tiết: kinh doanh vận tải hàng); Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (chi tiết: kinh doanh vận tải hành khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định và không theo tuyến cố định; vận tải hành khách đường thủy nội địa ngang sông, qua biên giới Việt Nam); Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: kinh doanh xếp dỡ hàng hóa tại cảng, bến thủy nội địa. Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt); Hoạt động thiết kế chuyên dụng (chi tiết: thiết kế phương tiện thủy nội địa); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chi tiết: bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa máy kéo, phương tiện xây dựng, phương tiện vận tải); Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (chi tiết: sửa chữa đóng mới trang thiết bị, phương tiện vận tải thủy bộ); Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (chi tiết: Mua bán xe có động cơ, phương tiện vận tải, phụ tùng và bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, nhớt, xăng, dầu, gas); Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;

Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ vé máy bay, tàu thủy, tàu lửa. Đại lý vận tải); Sản xuất vali, túi xách, yên

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

đệm xe. May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (chi tiết: sản xuất quần áo may sẵn, quần áo bảo hộ lao động, caravat, mũ, các đồ phụ trợ quần áo); Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (chi tiết: chế tác, gia công đá quý, vàng, bạc, đồ trang sức); Buôn bán kim loại và quặng kim loại (chi tiết: mua bán đá quý, vàng, bạc, đồ trang sức); Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (chi tiết: Dịch vụ cho thuê kiểu dáng công nghiệp, nhiên liệu); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ); Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (chi tiết: Mua bán thiết bị y tế, điện, điện tử, viễn thông, điện thoại cố định, di động, bộ đàm); sửa chữa thiết bị liên lạc (chi tiết: bảo trì, lắp đặt, sửa chữa điện thoại); Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Bán sim, thẻ cào điện thoại di động); Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (chi tiết: dịch vụ giới thiệu việc làm); Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: mua bán mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế); Cắt tóc, làm đầu, gội đầu (chi tiết: dịch vụ sản sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động dịch vụ gây chảy máu); Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ tranh, ảnh (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động (chi tiết: Nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (chi tiết: khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chi tiết: lai dất, cứu hộ đường bộ. Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ: hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: bán đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh); Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả gia trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: bán buôn hóa chất, mực in, keo); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết: bán buôn văn phòng phẩm. Mua bán đồ điện gia dụng, hàng gia dụng, hàng trang trí nội thất, vật liệu trải sàn, rèm, màn treo, giường, tủ, bàn, ghế); Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). Mua bán máy đếm cây số và phụ kiện); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng); Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Trồng rừng; Xây dựng công trình công ích (chi tiết: đầu tư xây dựng thủy điện); Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (chi tiết: tư vấn du học); Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng; Đào tạo ngoại ngữ); Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (chi tiết: Đại lý bảo hiểm); Hoạt động bảo tồn, bảo tàng (chi tiết: hoạt động nhà bảo tàng (không kinh doanh các hiện vật thuộc di tích lịch sử, văn hóa, bảo tàng); Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết: đào tạo dạy nghề, đào tạo lái xe cơ giới đường bộ); Cho thuê xe ô tô; Đại lý, môi giới, đấu giá (chi tiết: Dịch vụ bán đấu giá tài sản. Đại lý dịch vụ viễn thông. Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa. Dịch vụ thu hộ các chi phí tiêu dùng: điện thoại. Đại lý ký gởi hàng hóa); Sản xuất xe có động cơ, thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc (không sản xuất tại trụ sở); Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ xe có động cơ (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ, điện tại trụ sở); Kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng đường sắt; Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng. Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh: kiốt, trung tâm

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

thương mại. Dịch vụ cho văn phòng); Kinh doanh dịch vụ bất động sản: dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất; Lắp trình máy vi tính; Quảng cáo thương mại; Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (chi tiết: xây dựng và kinh doanh dịch vụ bãi đỗ xe); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt máy móc thiết bị và công nghiệp. Chuyển phát; Dịch vụ du lịch lưu hành nội địa, quốc tế. Đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy, nội địa. Khai thác khoáng sản (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ nhận, chi trả ngoại tệ. Đại lý đối ngoại tệ. Dịch vụ Logistic.

### 3. Thông tin các công ty con, liên kết được hợp nhất và không hợp nhất quyền lợi

<b>Tổng số các công ty con:</b>	<b>59 công ty</b>
- Số lượng các công ty con được hợp nhất:	57 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất:	02 công ty

#### 3.1 Công ty con trực tiếp được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ	Số 92 đường 2/9, Phường Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	47,79%	57,28%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ	370 Trần Khát Chân, P. Thanh Nhân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	47,76%	51%
3	Công ty CP Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	25 Lê Lợi, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	50,07%	51%
4	Công ty Cổ phần Sản Xuất và Thương mại Mai Linh	1691/3N Quốc lộ 1A, Khu phố 3, P. An Phú Đông, Q.12, TP. HCM	91,58%	51%
5	Công ty Cổ phần Taxi Mai Linh	197 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Đông, Q.7, TP. HCM	89,27%	51%
6	Công ty TNHH TM DV Vận tải Sài Gòn Bình Minh	C5 Nguyễn Oanh, P.17, Q. Gò Vấp, TP. HCM	73,38%	51%
7	Công ty CP Nhật Hồ (*)	21 Nguyễn Kim, Q.5, TP. HCM	89%	89%
8	Công ty CP Đại lý Vận tải Hàng Không Mai Linh	64-68 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	63,75%	51%
9	Công ty TNHH Địa Ốc Mai Linh	22 Vũ Huy Tấn, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	53%	51%



*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

**3.2 Công ty con gián tiếp được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:**

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1.	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Quảng Ngãi	134 Đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.	47,79%	100%
2.	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Tam Kỳ	Lô A42 đường Phan Bội Châu, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.	47,79%	100%
3.	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Hội An	410 đường Cửa Đại, phường Cẩm Châu, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.	47,79%	100%
4.	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Huế	177 Phan Đình Phùng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	47,79%	100%
5.	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Quảng Trị	169 đường Lý Thường Kiệt, phường Đông Lễ, thị xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.	47,79%	100%
6.	Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Đường Quang Trung, tiểu khu Diêm Hải, P. Phú Hải, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.	35,84%	75%
7.	Công ty TNHH MTV cà phê Arabica Mai Linh (*)	Thôn Tân Tài, xã Tân Lập, H. Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị.	47,79%	100%
8.	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Mai Linh Lao Bảo (**)	Km 83 Quốc lộ 9 – khu KTTM ĐB Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.	47,79%	100%
9.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Số 2 Phố Yết Kiêu, P. Nam Thành, TP. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.	47,76%	100%
10.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Lô 21, Đường Lê Chân, P. Lê Hồng Phong, TX. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam.	47,76%	100%
11.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	675 Phố Đình Ấm, P. Khai Quang, TP. Vĩnh Yên,	47,76%	100%

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
		Tỉnh Vĩnh Phúc.		
12.	Công ty Cổ phần Mai Linh Bắc Ninh	136 Phố Anh Đào, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh.	47,76%	100%
13.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	181 Đại lộ Lê Thanh Nghị, P. Phạm Ngũ Lão, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.	47,76%	100%
14.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	221 Lạch Thày, Đồng Quốc Bình, Ngô Quyền, Hải Phòng.	47,76%	100%
15.	Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đức	370 Trần Khát Chân, P. Thanh Nhân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội.	40,12%	84%
16.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	180 Huyện Quang, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, Bắc Giang.	47,76%	100%
17.	Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	318 Trần Hưng Đạo, P. Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.	45,85%	96%
18.	Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	144 Nguyễn Trường Tộ, TP. Vinh, Nghệ An.	44,42%	93%
19.	Công ty TNHH Mai Linh Hà Tĩnh	233 Trần Phúc, TP. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.	47,76%	100%
20.	Công ty Cổ phần Telin Vạn Hương	Lô C2C cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghệ nhỏ, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.	47,76%	100%
21.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Số 7, đường Trần Nhân Tông kéo dài, P. Văn Miếu, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định	47,76%	100%
22.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	153 Quốc lộ 1A, phường 2, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	47,76%	100%
23.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Số nhà 2446, đường Hùng Vương, P. Văn Cờ, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	47,76%	100%
24.	Công ty TNHH Mai Linh Thái Nguyên	31/1 Đường Bắc Cạn, Tổ 2 Phường Hoàng Văn Thụ, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Bắc	47,76%	100%

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
		Cạn.		
24.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Số 8, lô 2 khu phố 1, Trần Thái Tông, TP. Thái Bình	47,76%	100%
25.	Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	136 Phố Anh Đào, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	47,76%	86%
26.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bảo Lộc	905, Trần Phú, Phường B'Lao, Thị Xã Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng	50,07%	100%
27.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Đức Trọng	705, Quốc Lộ 20, Thị Trấn Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng	50,07%	100%
28.	Công ty TNHH MTV Sao Mai Ninh Thuận	Đường 16/4, P. Mỹ Bình, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	50,07%	100%
29.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang-Tháp Chàm	Đường 16/4, P. Mỹ Bình, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	50,07%	100%
30.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	239, Nguyễn Tất Thành, Phường 8, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	50,07%	100%
31.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	Số 14, Nguyễn Văn Cừ, P.1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	50,07%	100%
32.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	33A, Đường Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	50,07%	100%
33.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	36 Ngô Gia Tự, P.Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	50,07%	100%
34.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Nông	205 Hùng Vương, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	50,07%	100%
35.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	97D, Phạm Văn Đồng, P. Thống Nhất, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	50,07%	100%
36.	Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	147 Phan Đình Phùng, P. Quang Trung, Tỉnh Kon Tum	50,07%	100%

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
37.	Công ty TNHH Mai Linh Sao Mai Nha Trang (***)	25 Lê Lợi, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	50,07%	100%
38.	Công ty TNHH Mai Linh Champasak (***)	Ban Phabath – TP. Paskse – Tỉnh Champasak – Lào	50,07%	100%
39.	Công ty TNHH MTV Thương Mại Mai Linh	1691/3N Khu phố 3, Quốc lộ 1A, P.An Phú Đông, Q.12, TP. HCM	91,58%	100%
40.	Công ty TNHH Dệt may Hạnh Linh	A7-A1 Nguyễn Oanh, P.17, Q. Gò Vấp, TP. HCM	85,17%	93%
41.	Công ty TNHH SX TM DV Mai Linh	23 Đường 52, Cư Xá Lữ Gia, P.15, Q.11, TP. HCM	83,34%	91%
42.	Công ty CP SX ô tô Mai Linh	1691/3N Khu phố 3, Quốc lộ 1A, P. An Phú Đông, Q.12, TP. HCM	91,58%	91,58%
43.	Công ty TNHH Ba Mươi Taxi (***)	197 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP. HCM.	89,27%	51%
44.	Công ty TNHH Chợ Lớn Taxi	197 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP. HCM.	89,27%	51%
45.	Công ty TNHH Deluxe Taxi	197 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP. HCM.	89,27%	51%
46.	Công ty TNHH Gia Định Taxi	197 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP. HCM.	89,27%	51%
47.	Công ty TNHH Sài Gòn Taxi	197 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP. HCM.	89,27%	51%
48.	Công ty TNHH Vina Taxi	197 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP. HCM.	85,70%	51%

(\*) Công ty TNHH MTV cà phê Arabica Mai Linh đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chưa phát sinh kết quả kinh doanh và chưa được soát xét.

(\*\*) Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Mai Linh Lao Bảo đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chưa phát sinh kết quả kinh doanh và chưa được soát xét.

(\*\*\*) Các công ty chưa được soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

**3.3 Công ty con không được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:**

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1.	Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh vận tải, du lịch và nhà hàng Mai Linh (Mỹ)	Washington D.C, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ		

Lý do không hợp nhất quyền lợi là do tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Do Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh chưa nhận được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh vận tải, du lịch và nhà hàng Mai Linh (Mỹ).

**3.4 Danh sách Công ty liên kết không được tổng hợp quyền lợi vào Báo cáo tài chính hợp nhất**

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1	Công ty CP Bảo Toàn A	12, Tố Hữu, Thành phố Huế	49%	49%
2	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thiết kế và In Bao bì Năng Động	22 Vũ Huy Tấn, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	40%	40%

Lý do không hợp nhất quyền lợi tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là do Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh chưa nhận được báo cáo tài chính cho niên độ từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 của các Công ty trên, được hạch toán theo phương pháp giá gốc và chưa được soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2010/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

## **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

## **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

## **IV. CƠ SỞ HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ, cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính tham gia hợp nhất:

1. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty mẹ .
2. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty con Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ.
3. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty con Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Bắc Bộ.
4. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty con Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.
5. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty con Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh .
6. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty con Công ty Cổ phần Taxi Mai Linh .

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

7. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty con Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ vận tải Sài Gòn Bình Minh .
8. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty con Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Hàng không Mai Linh.
9. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty con Công ty TNHH Địa Ốc Mai Linh.
10. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty con Công ty Cổ phần Nhật Hồ.

## **V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho khoản lỗ ước tính do giảm giá trị, hư hỏng, lỗi thời, v.v... trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng căn cứ vào bằng chứng giảm giá phù hợp tồn tại vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian ước tính tài sản cố định của Tập đoàn như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40	năm
- Máy móc thiết bị	03 – 10	năm
- Phương tiện vận tải	05 – 10	năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 08	năm
- Phần mềm máy tính	03 – 04	năm
- Nhân hiệu hàng hóa	04 – 10	năm
- Quyền sử dụng đất	10	năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### **5. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai**

Chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai nếu tạo ra được tài sản cố định vô hình sẽ được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định vô hình đó.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có